

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 7 như sau:

“Cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ mà chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa 12 tháng so với thời gian quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn trong một năm không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị (trừ các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này)”.

2. Bổ sung đối tượng áp dụng trong Bảng 2 “Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước” ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP như sau:

a) Công chức loại A3:

Nhóm 1 (A3.1)

Số TT	Ngạch công chức
1	Thống kê viên cao cấp
2	Kiểm soát viên cao cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá
3	Chấp hành viên cao cấp (thi hành án dân sự)
4	Thẩm tra viên cao cấp (thi hành án dân sự)
5	Kiểm tra viên cao cấp thuế

b) Công chức loại A2:

Nhóm 1 (A2.1)

Số TT	Ngạch công chức
1	Thống kê viên chính
2	Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hoá
3	Chấp hành viên trung cấp (thi hành án dân sự)
4	Thẩm tra viên chính (thi hành án dân sự)
5	Kiểm tra viên chính thuế
6	Kiểm lâm viên chính

c) Công chức loại A1:

Số TT	Ngạch công chức
1	Thống kê viên
2	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hoá
3	Kỹ thuật viên bảo quản
4	Chấp hành viên sơ cấp (thi hành án dân sự)
5	Thẩm tra viên (thi hành án dân sự)
6	Thư ký thi hành án (dân sự)
7	Kiểm tra viên thuế
8	Kiểm lâm viên

d) Công chức loại B:

Số TT	Ngạch công chức
1	Thống kê viên trung cấp
2	Kiểm soát viên trung cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá
3	Thư ký trung cấp thi hành án (dân sự)
4	Kiểm tra viên trung cấp thuế
5	Kiểm lâm viên trung cấp
6	Kỹ thuật viên bảo quản trung cấp
7	Thủ kho bảo quản

đ) Công chức loại C:

Số TT	Ngạch công chức
1	Nhân viên bảo vệ kho dự trữ

3. Sửa đổi tên gọi “Ngạch viên chức” bằng “Chức danh nghề nghiệp viên chức” và bổ sung đối tượng áp dụng trong Bảng 3 “Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước” ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP như sau:

a) Viên chức loại A3

Nhóm (A3.1)

Số TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức
1	Điều tra viên cao cấp tài nguyên môi trường
2	Dự báo viên cao cấp khí tượng thủy văn
3	Kiểm soát viên cao cấp khí tượng thủy văn

b) Viên chức loại A2

Nhóm 1 (A2.1)

Số TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức
1	Công tác xã hội viên chính
2	Trợ giúp viên pháp lý chính
3	Hộ sinh chính
4	Kỹ thuật viên chính y
5	Y tế công cộng chính
6	Điều dưỡng chính
7	Dân số viên chính
8	Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động
9	Trắc địa bản đồ viên chính
10	Địa chính viên chính
11	Điều tra viên chính tài nguyên môi trường
12	Quan trắc viên chính tài nguyên môi trường
13	Dự báo viên chính khí tượng thủy văn
14	Kiểm soát viên chính khí tượng thủy văn

c) Viên chức loại A1:

Số TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức
1	Công tác xã hội viên
2	Trợ giúp viên pháp lý
3	Hộ sinh
4	Kỹ thuật viên y
5	Y tế công cộng
6	Điều dưỡng
7	Dân số viên
8	Giáo viên tiểu học cao cấp
9	Giáo viên mầm non cao cấp
10	Giáo viên trung học cơ sở chính
11	Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động
12	Trắc địa bản đồ viên
13	Địa chính viên
14	Điều tra viên tài nguyên môi trường
15	Quan trắc viên tài nguyên môi trường
16	Dự báo viên khí tượng thủy văn
17	Kiểm soát viên khí tượng thủy văn

d) Viên chức loại Ao:

Số TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức
1	Công tác xã hội viên cao đẳng
2	Hộ sinh cao đẳng
3	Kỹ thuật viên cao đẳng y
4	Điều dưỡng cao đẳng
5	Dân số viên cao đẳng
6	Trắc địa bản đồ viên cao đẳng
7	Địa chính viên cao đẳng
8	Điều tra viên cao đẳng tài nguyên môi trường
9	Quan trắc viên cao đẳng tài nguyên môi trường
10	Kiểm soát viên cao đẳng khí tượng thủy văn
11	Dự báo viên cao đẳng khí tượng thủy văn

đ) Viên chức loại B:

Số TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức
1	Nhân viên công tác xã hội
2	Hộ sinh trung cấp
3	Kỹ thuật viên trung cấp y
4	Điều dưỡng trung cấp
5	Dân số viên trung cấp
6	Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
7	Trắc địa bản đồ viên trung cấp
8	Địa chính viên trung cấp
9	Điều tra viên trung cấp tài nguyên môi trường
10	Dự báo viên trung cấp khí tượng thủy văn
11	Kiểm soát viên trung cấp khí tượng thủy văn
12	Quan trắc viên trung cấp tài nguyên môi trường

e) Viên chức loại C: Nhóm 1 (C1)

Số TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức
1	Công tác xã hội viên sơ cấp
2	Hộ sinh sơ cấp
3	Kỹ thuật viên sơ cấp y
4	Điều dưỡng sơ cấp
5	Dân số viên sơ cấp
6	Quan trắc viên sơ cấp tài nguyên môi trường

4. Bổ sung Bảng nâng lương đối với sĩ quan cấp tướng thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân tại Bảng 6 “Bảng nâng lương cấp bậc quân hàm sĩ quan quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan công an nhân dân” ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP như sau:

TT	Cấp bậc quân hàm	Hệ số nâng lương (1 lần)
1	Đại tướng	11,00
2	Thượng tướng	10,40
3	Trung tướng	9,80
4	Thiếu tướng	9,20

Thời hạn nâng lương của cấp bậc quân hàm Thiếu tướng, Trung tướng, Thượng tướng và Đại tướng là 4 năm.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2013.

2. Chế độ quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định này được xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ từ năm 2012.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). **300**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng